



VIỆN ĐO LƯỜNG VIỆT NAM (ĐK 05)

(Vietnam Metrology Institute)

Địa chỉ (Add.): Số 8 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô,
Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại (Tel.): (84-024) 37914876 ; Fax: (84-024) 37564260

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

Số (N^o): **V04.CN5.0142.20**

Tên đối tượng (Object): **Áp kế hiện số**

Kiểu (Type): **700GA6** Số (Serial N^o) / Mã QL (Tag N^o): **TB-334/4890650**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Fluke**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification):

Phạm vi đo (Range): **(0 ÷ 7) bar abs**

Độ phân giải (Resolution): **0,0001 bar**

Cơ sở sử dụng (Customer):

Công ty TNHH Đảm bảo Chất lượng Việt Nam

Phương pháp thực hiện (Method of calibration):

ĐLVN 76 : 2001

Áp kế, chân không kế kiểu lò xo và hiện số - Quy trình hiệu chuẩn

(Pressure and vacuum gauge with digital and dial indicating type - Methods and means of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Áp kế hiện số chuẩn PPC3

Kiểu: PPC3 - 700K; Số: 1083

Độ không đảm bảo đo: 0,0073 %FS với (k = 2; P = 95%)

Chuẩn được liên kết đến hệ đo lường Quốc tế SI

Kết quả (Results): **Xem kết quả trang sau**

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **Không áp dụng**

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2020

(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

VIỆN TRƯỞNG

(Director)



PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Bùi Quốc Thụ

Trang:
(N^o of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản của Viện Đo lường Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of VMI)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (Attached to certificate N^o): V04.CN5.0142.20

Kết quả (Results):

TT	P chuẩn (Std)	P đo tb (test mean)	ΔP	(*) U _{exp}
	bar	bar	bar	bar
1	0,7000	0,7007	0,0007	0,0005
2	1,4000	1,4012	0,0012	0,0005
3	2,1000	2,1017	0,0017	0,0005
4	2,8000	2,8019	0,0019	0,0005
5	3,5000	3,5020	0,0020	0,0005
6	4,2000	4,2023	0,0023	0,0005
7	4,9000	4,9024	0,0024	0,0005
8	5,6000	5,6025	0,0025	0,0005
9	6,3000	6,3026	0,0026	0,0005
10	7,0000	7,0027	0,0027	0,0005

Chú thích:

(*) U_{exp} là độ không đảm bảo đo mở rộng, được công bố với k= 2; P= 95%

Phương trình hiệu chuẩn:

Giá trị áp suất chuẩn được tính như sau:

$$P_{\text{hiệu chỉnh}} = -0,0009 + 0,999709176 * P_{\text{đọc}} \pm 0,0005$$

Trong đó:

P_{đọc} là giá trị áp suất hiện thị trên thiết bị

P_{hiệu chỉnh} là giá trị áp suất sau khi hiệu chỉnh

Điều kiện hiệu chuẩn: Nhiệt độ : (20 ± 2) °C; Độ ẩm: (60 ± 10) %RH

Người hiệu chuẩn

Trần Khắc Dương



Trang:
(N^o of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Đo lường Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of VMI)